TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/KDTM-PT
Ngày 25-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLPT-KDTM ngày 23/8/2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3461/2024/QĐ-PT ngày 28/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số B B, N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ.

Địa chỉ: Số B B, N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H ủy quyền lại cho:

Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số F, P, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị Hồng H1, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số G, Đ, Khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Việt Đ - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số F, ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Việt Đ, sinh năm 1966

3.2. Bà Bùi Thị Ngọc M, sinh năm 1966

3.3. Ông Võ Việt T1, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Số F, ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.4. Bà Trần Thị Hồng T2, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.5. Ông Bùi Minh C, sinh năm 1972

3.6. Bà Đoàn Thị Út E, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Số E, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3.8. Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.9. Công ty Trách nhiệm hữu hạn H3

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy T3 - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Tổ H, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3.10. Bà Vương Thị Kim C1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số A, Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vương Thị Kim C1: Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số F, Đ, Phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3.11. Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H (H4), bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H (H4) đã cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1 (Công ty M1) vay tiền theo hợp đồng tín dụng hạn mức số: 44084/22MN/HĐTD ngày 19/12/2022, số tiền vay 10.000.000.000đ (Mười tỷ đồng). Số tiền đã giải ngân cho Công ty M1 là

10.000.000.000 đồng qua 06 lần giải ngân lần lượt vào các ngày 08/6/2023, 09/6/2023, 10/6/2023, 14/6/2023, 15/6/2023 và 16/6/2023 (có đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhân nợ). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh mua bán mô tô, xe máy, phụ tùng xe máy. Lãi suất cho vay trong hạn theo từng khế ước nhận nợ, được cố định trong 01 tháng kể từ ngày bên nhận nợ nhận tiền vay và được điều chỉnh theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất chậm trả 10% và có thể được ngân hàng điều chỉnh theo quy định của ngân hàng trên cơ sở phù hợp với quy định của Ngân hàng N1 trong từng thời kỳ.

Các tài sản đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 44084/22MN/HĐTD ngày 19/12/2022 gồm:

Quyền sử dụng đất tọa lạc ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre (thửa số 798, Tờ bản đồ số 9). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 560328, số vào sổ cấp GCN CS06307 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 06/12/2021. Được thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 37127/22MN/HĐBĐ ngày 19/12/2022 được công chứng tại Văn phòng C2 ngày 19/12/2022. Đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre ngày 19/12/2022.

Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai trên thửa đất số 798, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Loại tài sản nhà ở riêng lẻ, diện tích sàn 304,8m^2, diện tích xây dựng 179,3m^2. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 560328, số vào sổ cấp GCN CS06307 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 06/12/2021. Được thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 37128/22MN/HĐBĐ ngày 19/12/2022 được ký kết giữa H4 và Công ty M1.

Theo Cam kết thế chấp phần tài sản chưa hợp lệ ký ngày 19/12/2022, ông Võ Việt Đ và vợ là bà Bùi Thị Ngọc M đồng ý thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 798, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.251,8m^2, tọa lạc ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản gắn liền với đất bao gồm các công trình xây dựng, cây trồng trên đất và các tài sản khác gắn liền với đất đã và/hoặc chưa được công nhận quyền sở hữu (kể cả các vật phụ gắn liền với phần công trình xây dựng), các khoản hoa lợi, lợi tức phát sinh từ các tài sản gắn liền với đất nêu trên.

Từ tháng 11 năm 2023, H4 đã nhiều lần đôn đốc nhắc nợ nhưng Công ty M1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Hiện số tiền nợ gốc của Công ty M1 còn lại là 9.999.999.830 đồng (do hệ thống tự động cấn trừ tiền trong tài khoản Ngân hàng của Công ty M1).

Do đó, H4 yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

Buộc Công ty M1 phải thanh toán ngay, một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho H4 theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 44084/22MN/HĐTD ngày 19/12/2022 tính đến ngày 21/6/2024 là 11.201.442.824 đồng (trong đó nợ gốc 9.999.999.830 đồng, lãi

trong hạn 275.270.228 đồng, lãi quá hạn 926.172.766 đồng). H4 yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 22/6/2024 cho đến khi Công ty M1 thanh toán xong khoản nợ tại hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trong trường hợp Công ty M1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho H4, H4 đề nghị được yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp tại H4, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của Công ty M1 đối với H4.

Nếu số tiền phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty M1 thì Công ty M1 và ông Võ Việt Đ phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả hết khoản nợ cho Công ty M1 theo Văn bản cam kết bảo lãnh ngày 19/12/2022 của ông Võ Việt Đ.

Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo pháp luật của Công ty M1, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Việt Đ trình bày:

Công ty M1 có ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 44084/22MN/HĐTD ngày 19/12/2022 với H4 để vay số tiền là 10.000.000.000 đồng. Số tiền đã giải ngân cho Công ty M1 là 10.000.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 44084/22MN/HĐTD ngày 19/12/2022 gồm:

Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 798, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 560328, số vào sổ cấp GCN CS06307 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 06/12/2021 do ông Võ Việt Đ đứng tên quyền sử dụng đất.

Nhà ở riêng lẻ, diện tích sàn 304,8m^2, diện tích xây dựng 179,3 m^2, tọa lạc trên thửa số 798, tờ bản đồ số 9. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 560328, số vào sổ cấp GCN CS06307 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 06/12/2021 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất bao gồm các công trình xây dựng, cây trồng trên đất và các tài sản khác gắn liền với đất, các khoản hoa lợi, lợi tức phát sinh từ các tài sản gắn liền với đất nêu trên.

Đây là tài sản chung của vợ chồng ông Đ và bà Bùi Thị Ngọc M. Trên thửa số 798, tờ bản đồ số 9 có 01 căn nhà cấp 4, 03 ngôi mộ xây gạch, 01 hàng rào bê tông và 01 cửa hàng xe gắn máy, không có cây trồng trên đất. Hiện nay, vợ chồng ông Đ, bà M đang sinh sống tại thửa đất trên cùng với con trai là Võ Việt T1 và con dâu là Trần Thị Hồng T2.

Từ tháng 10 năm 2023 đến nay, Công ty M1 không thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho H4. Công ty M1 thừa nhận còn nợ H4 số tiền vốn gốc theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 44084/22MN/HĐTD ngày 19/12/2022 và lãi suất phát sinh.

Đối với yêu cầu khởi kiện của H4, Công ty M1 đồng ý trả cho H4 toàn bộ nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 44084/22MN/HĐTD ngày

19/12/2022 và đồng ý tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi Công ty M1 thanh toán xong khoản nợ hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trong trường hợp Công ty M1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho H4, Công ty M1 đồng ý để Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp tại H4 nêu trên để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của Công ty M1.

Trong trường hợp số tiền phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ của Công ty M1 thì Công ty M1 không đồng ý tiếp tục trả hết khoản nợ, đồng thời bản thân ông Võ Việt Đ cũng không đồng ý liên đới tiếp tục trả nợ cho Công ty M1 vì tại thời điểm thế chấp tài sản, H4 đã tiến hành thẩm định giá tài sản bảo đảm trị giá từ 14 - 15 tỷ đồng đủ để trả khoản nợ 10 tỷ đồng, ngoài phạm vị giá trị tài sản bảo đảm ra thì ông Đ và Công ty M1 không còn khả năng trả nợ. Ông Đ xác nhận chữ ký trong Văn bản cam kết bảo lãnh ngày 19/12/2022 là do ông ký và viết họ, tên, tuy nhiên do tại thời điểm ký tên vào văn bản, ông không hiểu nội dung của văn bản này, do để làm thủ tục vay vốn thì ông đồng ý ký tên vào hồ sơ do H4 cung cấp. Do đó, trường hợp số tiền phát mãi tài sản bảo đảm để thanh toán nợ còn dư thì trả lại cho Công ty M1, trường hợp không đủ thanh toán nợ thì ông và Công ty M1 không đồng ý tiếp tục trả hết nợ.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Việt T1 trình bày:

Ông là con trai thứ hai của ông Võ Việt Đ và bà Bùi Thị Ngọc M. Ông đang sinh sống trong căn nhà tại thửa số 798, tờ bản đồ số 9 do cha ông là ông Võ Việt Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông sinh sống tại thửa đất này cùng với cha mẹ là ông Đ, bà M và vợ là bà Trần Thị Hồng T2. Vợ chồng ông đã sinh sống tại đây 02 năm nay.

Ông biết việc ông Đ đã thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa số 798 và tài sản gắn liền với thửa đất tại H4 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Công ty M1.

Đối với yêu cầu khởi kiện của H4 về hợp đồng tín dụng với Công ty M1, ông không có ý kiến gì về việc H4 yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 798 và tài sản gắn liền với thửa đất trong trường hợp Công ty M1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ tại H4. Trong vụ án này, ông thống nhất với ý kiến, quyết định của ông Võ Việt Đ.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Ngọc M trình bày:

Bà là vợ của ông Võ Việt Đ. Thửa đất số 798, tờ bản đồ số 9 là tài sản chung của bà và ông Đ. Bà và ông Đ đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 798 tại H4 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Công ty M1. Trong trường hợp Công ty M1 thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho H4, bà đồng ý cho xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp tại H4 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định. Thửa đất trên là tài sản của bà và ông Đ nên bà và ông Đ có toàn quyền quyết định, định đoạt đối với thửa đất này. Bà thống nhất với ý kiến và quyết định của ông Võ

Việt Đ trong vụ án này.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hồng T2 trình bày:

Bà là con dâu của ông Võ Việt Đ và bà Bùi Thị Ngọc M, là vợ của ông Võ Việt T1 (con ruột ông Đ, bà M). Hiện tại, bà đang sinh sống trong căn nhà trên thửa đất số 798, tờ bản đồ số 9. Bà sinh sống cùng với chồng và ông Đ, bà M trên thửa đất này. Thửa đất này là tài sản của ông Đ và bà M nên ông Đ và bà M được toàn quyền quyết định, định đoạt đối với thửa đất, bà chỉ là người được cho ở cùng trên đất, bà không có quyền quyết định đối với thửa đất. Bà có biết việc ông Đ, bà M đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất trên tại H4 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Công ty M1.

Về yêu cầu khởi kiện của H4 đối với Công ty M1 thì bà không có ý kiến, bà thống nhất với ý kiến và quyết định của ông Võ Việt Đ trong vụ án này. Trong trường hợp Công ty M1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho H4, bà đồng ý cho xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp tại H4 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất trên, bà đồng ý di dời chỗ ở để đảm bảo việc xử lý tài sản bảo đảm thu hồi nợ theo quy định.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc N trình bày:

Trước đây, ông có nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Võ Việt Đ, ông Võ Việt T1 (con ông Đ) và bà Trần Thị Hồng T2 (vợ ông T1) tại Tòa án và đã có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 56/2022/QĐST-DS ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Sau đó, ông đã có yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 414/QĐ-CCTHADS ngày 03/01/2023. Theo đó, ông Võ Việt Đ, ông Võ Việt T1 và bà Trần Thị Hồng T2 phải liên đới hoàn trả cho ông số tiền 3.800.000.000 đồng và lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong. Tuy nhiên, hiện tại chưa thi hành án được.

Khi ông yêu cầu thi hành án, Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành ra Quyết định số 08/QĐ-CCTHADS ngày 15/02/2023 để kê biên thửa đất số 798, tờ bản đồ số 9 và tài sản gắn liền với thửa đất để thi hành án cho Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 56/2022/QĐST-DS ngày 23/12/2022. Tại thời điểm kê biên, ông đã biết thửa đất trên đang bị thế chấp làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty M1 đối với H4 và ông không có ý kiến gì. Ông đồng ý việc H4 yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, đồng ý tiến hành kê biên, xử lý tài sản thế chấp là thửa đất trên và đồng ý số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sẽ dùng để ưu tiên thanh toán nợ cho H4, số tiền còn lại sẽ thanh toán theo thứ tự ưu tiên thanh toán mà pháp luật quy định, trong đó có ông.

Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Ông không có ý kiến, yêu cầu về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 19/12/2022 giữa H4 với ông Đ và bà M và yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 trình bày:

Trước đây, vào ngày 17/11/2022, Công ty H3 có nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty M1 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm vụ án theo Bản án số 14/2023/KDTM-PT ngày 07/9/2023. Ngày 02/11/2023, Công ty H3 nộp đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 270/QĐ-CCTHADS ngày 07/11/2023. Theo đó, Công ty M1 phải hoàn trả cho Công ty H3 Thông số tiền nợ là 1.607.392.000 đồng và tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong. Tuy nhiên, hiện tại chưa thi hành án được do Công ty M1 không có tài sản để thi hành.

Tại thời điểm Công ty H3 nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty M1 vào ngày 17/11/2022 thì thửa đất trên chưa bị thế chấp làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty M1 với H4. Trong quá trình Công ty H3 khởi kiện tại Tòa án, ông Đ mới thế chấp quyền sử dụng đất cho H4 vào ngày 19/12/2022, điều này là không phù hợp do tại thời điểm thế chấp thì tranh chấp giữa Công ty H3 và Công ty M1 đã phát sinh tại Tòa nên thửa đất là tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty M1 đối với Công ty H3 không được quyền thế chấp tại Ngân hàng, do ông Đ là người đứng tên thành lập Công ty M1, là chủ công ty có loại hình doanh nghiệp là công ty một thành viên nên có trách nhiệm trả nợ đối với các khoản nợ của Công ty M1. Công ty H3 không đồng ý việc ông Đ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên, tuy nhiên Công ty H3 không yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 19/12/2022 giữa H4 với ông Đ và bà M. Công ty H3 không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Minh C và bà Đoàn Thị Út E trình bày:

Trước đây, ông Bùi Minh C và bà Đoàn Thị Út E có nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với ông Võ Việt Đ và bà Bùi Thị Ngọc M (vợ ông Đ) tại Tòa án đối với thửa đất số 542, tờ bản đồ số 9 và đã có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 19/2023/QĐST-DS ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Sau đó, ông C và bà E đã có yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 189/QĐ-CCTHADS ngày 24/10/2023 có nội dung ông Đ và bà M phải hoàn trả cho ông C và bà E số tiền 300.000.000 đồng và lãi suất theo quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015 cho đến khi thi hành xong. Tuy nhiên, hiện tại chưa thi hành án được.

Ông C và bà E không biết thửa đất số 798, tờ bản đồ số 9 và tài sản gắn liền với thửa đất đang bị thế chấp quyền sử dụng đất làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty M1. Do thửa đất đã bị thế chấp tại H4 vào ngày 19/12/2022, trước khi ông C, bà E có quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và đơn yêu cầu thi hành án nên ông C và bà E không có ý kiến hay yêu cầu gì về hợp

đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 19/12/2022 giữa H4 với ông Đ, bà M và yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Ông C, bà E đồng ý việc H4 yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất trên, đồng ý tiến hành kê biên, xử lý tài sản thế chấp và số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sẽ dùng để ưu tiên thanh toán nợ cho H4, số tiền còn lại sẽ thanh toán theo thứ tự ưu tiên thanh toán mà pháp luật quy định, trong đó có ông C và bà E.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Kim C1 trình bày:

Trước đây, bà C1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2022/QĐST-DS ngày 12/4/2023 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành và Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành đã ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 931/QĐ-CCTHADS ngày 21/4/2023. Theo đó, ông Võ Việt Đ và bà Bùi Thị Ngọc M liên đới hoàn trả cho bà C1 số tiền là 280.000.000 đồng và lãi suất cho đến khi thi hành xong. Tuy nhiên, hiện tại chưa thi hành án được.

Tại thời điểm bà C1 yêu cầu thi hành án, bà C1 đã biết thửa đất số 798 đang bị thế chấp làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng, nhưng bà không rõ là ngân hàng nào. Bà biết ông Đ đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất trên tại Ngân hàng trước khi bà có đơn yêu cầu thi hành án nên bà không có ý kiến. Bà C1 đồng ý việc H4 yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, tiến hành kê biên xử lý tài sản bảo đảm và thanh toán nghĩa vụ của ông Đ, bà M theo thứ tự thanh toán mà pháp luật quy định. Bà C1 không có ý kiến và yêu cầu đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 19/12/2022 giữa H4 và ông Đ, bà M, yêu cầu Tòa án giải quyết đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre trình bày:

Qua tra cứu hồ sơ thi hành án, hiện tại thửa đất số 798, tờ bản đồ số 9 (do ông Đ đứng tên) và tài sản gắn liền với thửa đất đang bị cưỡng chế kê biên thi hành án theo Quyết định số 08/QĐ-CCTHADS ngày 15/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành để đảm bảo thi hành án đối với các quyết định/bản án của Toà án, như sau:

1. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 56/2022/QĐST-DS ngày 23/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Quyết định công nhân sự thoả thuận của các đương sự số 19/2023/QĐST-DS ngày 05/4/2003 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 20/2023/QĐST-DS ngày 12/4/2023 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

4. Bản án số 14/2023/KDTM-PT ngày 07/9/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Hiện tại, Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành đã ra Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất đối với thửa đất số 798

trên nhưng hiện tại chưa thực hiện việc kê biên. Trường hợp thửa đất đang thế chấp tại Ngân hàng, việc thực hiện kê biên sẽ ưu tiên thứ tự thanh toán cho Ngân hàng, sau khi ưu tiên thanh toán các khoản theo quy định.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã áp dụng các Điều 30, 35, 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 299, khoản 6 Điều 320, khoản 7 Điều 323, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N1 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H đối với Công ty TNHH Một thành viên M1.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H toàn bộ nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 44084/22MN/HĐTD ngày 19/12/2022 tính đến ngày 21/6/2024 số tiền là 11.201.442.824đ (Mười một tỷ hai trăm lẻ một triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc 9.999.999.830 đồng, lãi trong hạn 275.270.228 đồng, lãi quá hạn 926.172.766 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/6/2024, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 44084/22MN/HĐTD ngày 19/12/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả số nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 798, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 560328, số vào sổ cấp GCN CS06307 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 06/12/2021 do ông Võ Việt Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi

hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/7/2024, bị đơn Công ty M1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giảm tiền lãi nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thể trả nợ.

Ngày 04/7/2024, nguyên đơn Ngân hàng H4 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, nếu số tiền phát mãi không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty M1 thì Công ty M1 phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ, đồng thời ông Võ Việt Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả hết khoản nợ cho Công ty M1 theo giấy bảo lãnh ngày 19/12/2022.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông S và bà H1 trình bày: Do ông Đ có cam kết bảo lãnh nên phải có nghĩa vụ liên đới cùng bị đơn trả nợ nếu tài sản đảm bảo của bị đơn không đủ để thanh toán toàn bộ số nợ. Đồng thời, bị đơn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết, cấp sơ thẩm tuyên bị đơn *"phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán"* là chưa đảm bảo quyền lợi của H4. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Ngày 25/9/2024, Tòa án nhận được đơn xin rút đơn kháng cáo đề ngày 24/9/2024 của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1 với lý do bị đơn nhận thấy việc kháng cáo là không cần thiết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn Công ty M1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Việt Đ, ông Võ Việt T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Do bị đơn có đơn xin rút đơn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty M1. Kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của H4 giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của Ngân hàng H4, Công ty M1; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn Công ty M1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Việt Đ, ông Võ Việt T1 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông bà Bùi Thị Ngọc M, bà Trần Thị Hồng T2, ông Bùi Minh C, bà Bùi Thị Út E1, ông Nguyễn Ngọc N, người đại diện theo ủy quyền của bà Vương Thị C1, Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[1.2] Bị đơn Công ty M1 có đơn xin rút kháng cáo đề ngày 24/9/2024 nên căn cứ khoản 2 Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty M1.

[2] Về nội dung:

[2.1] H4 yêu cầu Công ty M1 trả cho H4 toàn bộ nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 44084/22MN/HĐTD ngày 19/12/2022 tính đến ngày 21/6/2024 là 11.201.442.824 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết giữa hai bên. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty M1 thống nhất thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ số tiền vay gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và đồng ý tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong nợ cho H4. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh, do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi là có căn cứ.

[2.2] Về tài sản đảm bảo: Các giao dịch bảo đảm giữa H4 và ông Đ, bà M đều hợp pháp và phát sinh hiệu lực đối với các bên, đồng thời ông Đ, bà M và các người con là ông Võ Việt T1 và bà Trần Thị Hồng T2 đang sinh sống trên thửa đất thế chấp đều thống nhất đồng ý nếu Công ty M1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho H4 thì H4 được yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp tại H4 để thu hồi nợ nên ghi nhận. Do đó, yêu cầu về xử lý tài sản bảo đảm của H4 là có căn cứ theo quy định tại Điều 299, khoản 6 Điều 320, khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[2.3] Nguyên đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm tuyên *"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/6/2024, Công ty TNHH Một thành viên M1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 44084/22MN/HĐTD ngày 19/12/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc"* là chưa phù hợp, ảnh hưởng đến quyền lợi của H4. Xét thấy, trong vụ án này các bên không có tranh chấp đối với hợp đồng tín dụng, do đó hợp đồng này được dùng làm căn cứ giải quyết vụ án, quyền và nghĩa vụ của các bên được xác định trên cơ sở hợp đồng tín dụng. Cấp sơ thẩm tuyên như trên là chưa phù hợp, phải điều chỉnh lại như sau *"Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M1 có nghĩa vụ trả các khoản tiền lãi, phí phát sinh tính từ ngày 22/6/2024 cho đến khi thanh xong hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H (H4) theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức số*

44084/22MN/HĐTD ngày 19/12/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ".

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ của Công ty M1 khi số tiền phát mãi tài sản không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Về bản chất, thế cấp tài sản là việc bên thế chấp dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho bên nhận thế chấp, việc thế chấp tài sản chỉ đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ, không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ được bảo đảm. Đồng thời, theo quy định tại khoản 3 Điều 307 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì *"Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản cầm cố, thế chấp nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán được xác định là nghĩa vụ không có bảo đảm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bổ sung tài sản đảm bảo. Bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ được bảo đảm phải thực hiện phần nghĩa vụ chưa được thanh toán"*. Do đó, trong trường hợp này, nếu tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ thì H4 có quyền yêu cầu Công ty M1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với phần còn lại và phần này được xác định là nghĩa vụ không có bảo đảm. Cấp sơ thẩm cho rằng do tài sản đảm bảo có giá trị lớn hơn nghĩa vụ nên chưa phát sinh trường hợp do nguyên đơn đặt ra, đồng thời cho rằng nếu có phát sinh thì cơ quan thi hành án giải quyết, từ đó không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.5] Về nghĩa vụ bảo lãnh: Căn cứ Văn bản cam kết bảo lãnh ngày 19/12/2022 giữa bên bảo lãnh ông Võ Việt Đ, bên được bảo lãnh Công ty M1, bên nhận bảo lãnh H4, ông Đ có ký tên vào văn bản. Theo nội dung văn bản, ông Đ cam kết trả nợ thay trong trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ/đúng hạn các nghĩa vụ được bảo lãnh (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi chậm trả lãi, phí, các khoản phải trả khác nếu có trong hợp đồng tín dụng) với H4. Ông Đ là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên buộc ông phải biết và chịu trách nhiệm về việc ký cam kết bảo lãnh của mình. Do đó, trong trường hợp này H4 có quyền yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty M1 theo văn bản cam kết nêu trên. H4 yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả nợ là không đúng vì trách nhiệm liên đới và trách nhiệm bảo lãnh là hai mối quan hệ khác nhau, với cam kết bảo lãnh thì ông Đ chỉ có nghĩa vụ đối với trách nhiệm bảo lãnh, không có căn cứ để buộc ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả nợ trong trường hợp này. Từ đó, nhận thấy H4 yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả nợ là không có căn cứ, tuy nhiên H4 yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét thấy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ nếu tài sản bảo đảm không đủ, không buộc ông Đ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, đồng thời phần tuyên về nghĩa vụ trả tiền lãi của bị đơn sau ngày xét xử sơ thẩm là không phù hợp, kháng cáo của nguyên đơn H4 là có căn cứ một phần nên được chấp nhận một phần, sửa một phần bản án sơ thẩm theo các nội dung đã nhận định.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên H4 không phải chịu án phí. Do Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm nên Công ty M1 phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên M1;

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H;

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 30, 35, 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 299, khoản 6 Điều 320, khoản 7 Điều 323, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N1 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H toàn bộ nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 44084/22MN/HĐTD ngày 19/12/2022 tính đến ngày 21/6/2024 số tiền 11.201.442.824đ (Mười một tỷ hai trăm lẻ một triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc 9.999.999.830đ (Chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm ba mươi đồng), lãi trong hạn 275.270.228đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi nghìn hai trăm hai mươi tám đồng), lãi quá hạn 926.172.766đ (Chín trăm hai mươi sáu triệu một trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng).

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1 có nghĩa vụ trả các khoản tiền lãi, phí phát sinh tính từ ngày 22/6/2024 cho đến khi thanh xong hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H (H4) theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 44084/22MN/HĐTD ngày

19/12/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2] Trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả số nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 798, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 560328, số vào sổ cấp GCN CS06307 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 06/12/2021 do ông Võ Việt Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hồi nợ.

[3] Trong trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn chưa đủ thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H có quyền yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với khoản nợ còn lại hoặc yêu cầu ông Võ Việt Đ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ còn lại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1 theo văn bản cam kết bảo lãnh ngày 19/12/2022.

[4] Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1 phải chịu chi phí tố tụng 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí sơ thẩm:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1 chịu số tiền 119.201.442đ (Một trăm mười chín triệu hai trăm lẻ một nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng).

H2 lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 59.048.000đ (Năm mươi chín triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001655 ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

[5.2] Án phí phúc thẩm:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1 phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000711 ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000706 ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Rẻn